



LILAMA 69-2

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**LILAMA 69-2 Co**

ĐỊA CHỈ: 26 TẢN VIÊN - P.THƯỢNG LÝ - Q. HỒNG BÀNG - TP.HẢI PHÒNG  
Add: 26 Tan Vien st. - Thuong Ly ward. - Hong Bang district - Hai Phong city  
Tel. : (84-31) 38 24761, 38 24984, 3525195 Fax : (84-31)3 8 24562 Email: [lilama69-2@hn-vnn.vn](mailto:lilama69-2@hn-vnn.vn) Web: [www.lilama69-2.com.vn](http://www.lilama69-2.com.vn)



Số: *59.../TC.KT./16...*

Hải Phòng, ngày *22*. tháng *03*. năm 2016

(V/v: Công bố Báo cáo thường niên năm 2015)

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tản Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0313.525195 Fax: 0313.824562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Quốc Hùng**
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo Thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần LILAMA69-2.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần LILAMA69-2: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng!**

**NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Quốc Hùng**

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**



**LILAMA 69-2**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**  
**NĂM 2015**

**Hải Phòng Năm 2016**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Năm báo cáo: **Năm 2015**

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lilama 69-2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200155547 Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 12 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 6: ngày 17 tháng 04 năm 2012. Vốn điều lệ: 57.418.170.000 đồng .
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 57.418.170.000 đồng
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0313 525 195
- Số fax: 0313 824 562
- Website: [www.lilama69-2.com.vn](http://www.lilama69-2.com.vn)
- Mã cổ phiếu: L62

### ***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA). Được thành lập ngày 01 tháng 12 năm 1960, trụ sở Công ty đặt tại 26 Tân Viên - phường Thượng Lý - quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 11 năm 2004 căn cứ vào Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển đổi Công ty Lắp máy và xây dựng 69-2 thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Lilama 69-2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0200155547 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2004 với số vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng. Trong đó vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 4.515.200.000 đồng (chiếm 50,17%) và phần góp vốn của các cổ đông là : 4.484.800.000 đồng (chiếm 49,83%).

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty kiểm toán và tư vấn (ACA Group), đến ngày 30/06/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 30.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 50,17%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 06 năm 2007.

Ngày 26/03/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 112/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Ngày 21/04/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (L62) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo nghị quyết số 37/NQĐHCHĐ ngày 18 tháng 9 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng.

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (ACA Group), đến ngày 31/12/2009 vốn đầu tư của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 44.808.610.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 50,38%).

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCĐ/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UBCK Nhà nước ngày 28/12/2010. Năm 2011 Công ty sẽ phát hành tăng vốn điều lệ từ 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0.35 (mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới với giá 12.000đ)

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính (IFC-ACA Group) tại Hải Phòng, đến ngày 22 tháng 04 năm 2011 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2 là 57.418.170.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 53,08% tương ứng với 3.047.807 cổ phiếu)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lại ngày 17 tháng 10 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lại ngày 17 tháng 04 năm 2012

## 2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

### ❖ **Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty:**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;



- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng...
- Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 – Xí nghiệp Lắp máy & Xuất nhập khẩu; Đ/c tại số 112 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp, Hải Phòng

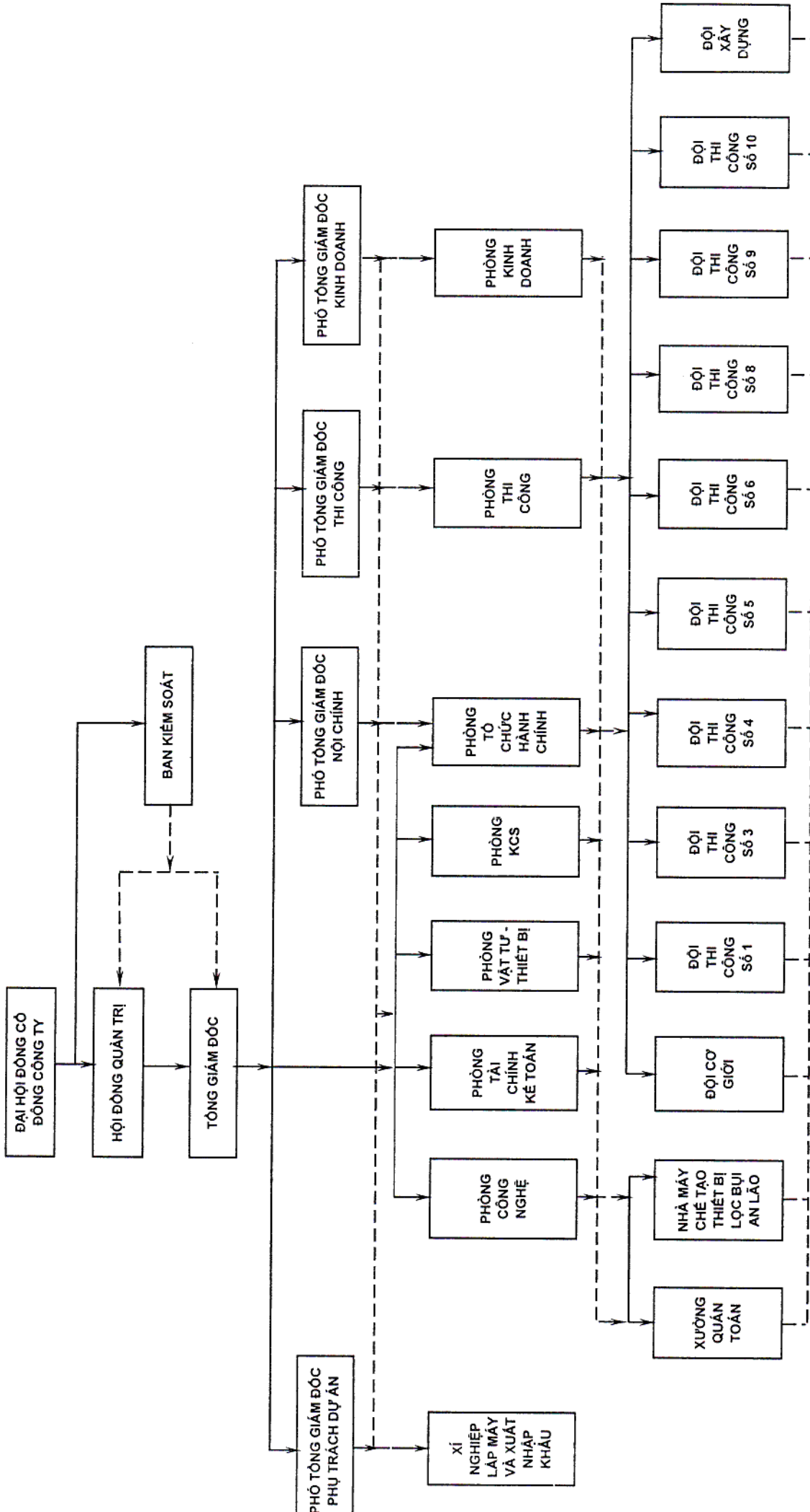
❖ **Địa bàn hoạt động của Công ty :**

- Trong 2 năm 2014 & 2015 Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh chính như sau:

TT	Tên công trình/dự án	Địa bàn	Doanh thu (VNĐ)	
			Năm 2014	Năm 2015
1	Gia công, chế tạo lắp đặt thiết bị cho nhà máy xi măng Trung Sơn	Tỉnh Hòa Bình	31.477.432.297	1.527.489.058
2	Gia công, chế tạo lắp đặt thiết bị cho nhà máy nhiệt điện Mông Dương	Tỉnh Quảng Ninh	43.060.527.996	6.885.998.144
3	CT Lắp dựng giàn không gian Fomosa Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	18.363.788.494	705.102.723
4	CT gia công và lắp đặt H.thống đường ống công nghệ	Tỉnh Lào Cai	12.319.112.666	2.650.488.502
5	CT CTTB dự án NM điện BARH	TP Hải Phòng	14.732.053.479	19.219.332.510
6	Cung cấp lắp đặt thiết bị cho nhà máy nhiệt điện Thái Bình II	Tỉnh Thái Bình	6.733.639.252	14.054.244.050
7	CT Gia công chế tạo và lắp đặt khung mái vòm ga đến Cáp treo Fansipan Sa Pa	Tỉnh Lào Cai		24.317.010.287
8	CT Gia công chế tạo, lắp đặt khung mái công nghệ ga đi Cáp treo Fansipan Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2.205.448.507	19.618.686.355
9	CT Chế tạo và lắp đặt ống gói 1A cho DA nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn	Tỉnh Thanh Hóa		16.908.205.303
10	CT Dự án NM nhiệt điện Thái Bình 2	Tỉnh Thái Bình		17.847.218.962
11	KCT Cung quy hoạch hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh		31.683.905.298
12	Tháo dỡ, vận chuyển và lắp đặt nhà máy khí KCN Phú Mỹ về KCN Yên Phong- Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh		28.289.677.500

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị.



GHI CHÚ

- CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP :

- LIÊN QUAN :

### 3.1. Mô hình quản trị

\* **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

\* **Hội đồng Quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định.

\* **Ban kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

\* **Tổng giám đốc Công ty :** Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

\* **Phó tổng giám đốc:** Các Phó tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

\* **Các phòng ban chức năng:** Do Tổng giám đốc Công ty ký quyết định thành lập trên cơ sở tờ trình được HĐQT phê duyệt, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện mục tiêu và chiến lược của Công ty.

#### \* Đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy & Xuất nhập khẩu; có địa chỉ tại Số 112 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng; ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng. Chế tạo thiết bị, sản xuất kết cấu thép, chế tạo bình, bể chịu áp lực, bồn bể chứa xăng dầu, lắp đặt thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

- Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, không có vốn điều lệ .

### 3.3. Các công ty con, Công ty liên kết: (Không có)

## 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Xây dựng Công ty đáp ứng mục tiêu phát triển theo định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó có định hướng xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong nước và khu vực, tiếp tục phát triển sản phẩm gia công chế tạo xuất khẩu đi các nước. Đồng thời đáp ứng mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, bảo toàn và phát huy nguồn vốn của các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước. Phát huy các thị trường truyền thống và tích cực mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư mới để

đảm bảo việc làm cho CBCNV. Tuyển dụng và đào tạo nhân sự đảm bảo đủ về số lượng và trình độ đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Chiến lược phát triển trung, dài hạn: Tiếp tục giữ vững vị thế là doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam, chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công. Xây dựng kế hoạch cụ thể và phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty đảm bảo cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi yêu cầu về môi trường theo đúng luật môi trường hiện hành. Trang bị đầy đủ công cụ, bảo hộ lao động cho CBCNV, thường xuyên tổ chức huấn luyện cho CBCNV về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Tiếp tục phát huy truyền thống cao quý như quan tâm giúp đỡ tới các gia đình chính sách, tổ chức thăm hỏi các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, khuyến khích động viên tích cực các cháu con em trong ngành chăm ngoan học giỏi. Ngoài ra Công ty còn tham gia tích cực vào các hoạt động, phong trào của địa phương.

#### 5. Các rủi ro:

- Rủi ro từ thị trường :Nền kinh tế nước ta chưa thật sự ổn định, sự biến động của tỷ giá ngoại tệ làm ảnh hưởng nhiều đến tình hình kinh tế các doanh nghiệp. Đặc biệt việc hội nhập theo Hiệp định thương mại TPP khởi sắc mở ra cơ hội cho nhiều đơn vị, nhiều thành phần kinh tế, tuy nhiên cũng là thách thức và rủi ro đối với các đơn vị, các thành phần kinh tế chưa chuẩn bị kỹ càng về sự hiểu biết cũng như pháp lý. Đồng thời các khoản vay của Chính phủ cho sự phát triển của đất nước bắt đầu đến hạn thanh toán, cơ chế, chính sách đầu tư của Quốc gia sẽ được cân nhắc, kỹ càng và thắt chặt hơn.

Với tình hình chung của nền kinh tế đất nước và thế giới, chắc chắn Công ty Cổ phần Lilama 69-2 vẫn chịu nhiều khó khăn từ các những ảnh hưởng chung và riêng, cụ thể: Các biến cố suy thoái, tình trạng chậm thanh toán vốn, chi phí lãi vay tăng cao, nhu cầu đầu tư lớn, vốn chủ sở hữu ít,...

- Rủi ro từ pháp luật: Do Việt nam đã chính thức gia nhập WTO, các chính sách, chế độ đang dần hoàn thiện và hoà nhập, tiến trình Hội nhập và giảm thuế đang được triển khai đúng lộ trình cam kết, sự thay đổi các chính sách, chế độ cho phù hợp thông lệ quốc tế là rủi ro từ pháp luật đem lại.

- Rủi ro từ đặc thù ngành nghề: Do sự hội nhập, hàng loạt các nhà thầu và công ty trong nước và quốc tế sẽ có cơ hội vào thị trường Việt Nam cùng với tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ và nguồn lực. Vì thế đây là rủi ro từ đặc thù ngành nghề của Công ty trong các năm trước và tiếp tục là rủi ro của năm 2016.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2015 (VNĐ)		
	Kế hoạch	Thực hiện	% so sánh
1. Giá trị sản lượng	385.000.000.000	388.000.000.000	100,8%
2. Tổng doanh thu thuần	320.000.000.000	325.524.261.420	101,7%
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.500.000.000	1.823.168.491	72,9%

### 2. Tổ chức và nhân sự



- Danh sách HĐQT, ban điều hành:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Thanh	-Chủ tịch HĐQT ( Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 24/09/2015 Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT ngày 01/11/2015)	Công ty cổ phần Lilama 69-2, 26 Tân Viên, Phường Lý, Hải Phòng	672.900	11,72%	
2	Ông Vũ Kế Chương	- Tổng GĐ - Bổ nhiệm chức vụ Quyền chủ tịch HĐQT ngày 01/11/2015	Gò Công 2, Phú Liễu, Kiến An, Hải Phòng	23.000	0,40%	
3	Ông Trần Xuân Trường	-Ủy viên HĐQT -P.Tổng GĐ C.ty	7B/106 Lương Khánh Thiện, HP	139.203	2,42%	
4	Bà Lê Thị Minh	-Ủy viên HĐQT	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	2.590	0,05%	
5	Ông Nguyễn Hữu Hóa	-P.Tổng GĐ C.ty	28 Tân Viên, Thượng Lý	81.000	1,41%	
6	Ông Nguyễn Giám Hiệu	-P.Tổng GĐ C.ty	Số 126 Hùng Vương, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	62.975	1,10%	
7	Ông Trương Đức Thành	-P.Tổng GĐ C.ty	An Đồng, An Dương, Hải Phòng	-	0,00%	
8	Bà Vũ Thị Ngà	-Thành viên BKS	Số 44 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	86.000	1,50%	
9	Ông Nguyễn Quốc Hùng	-Ủy viên HĐQT -Kế toán trưởng -Trưởng ban QL cổ đông	Phòng 218 nơ 22, khu đô thị Pháp Vân, Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	-	0,00%	
10	Ông Đỗ Xuân Trường	-Trưởng Ban kiểm soát	124 Minh Khai, Hà Nội	-	0,00%	
11	Ông Nguyễn Sơn Hùng	-Thành viên BKS	Số 49 đường Lạch Tray, P.Lạch Tray, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng	-	0,00%	

- Những thay đổi trong HĐQT :

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại C.ty	Thời điểm thay đổi	Lý do
1	Ông Nguyễn Hữu Thanh	- Chủ tịch HĐQT	24/09/2015	Miễn nhiệm (Nghỉ hưu theo chế độ)
		- Thành viên HĐQT	01/11/2015	
2	Ông Vũ Kế Chương	- Quyền chủ tịch HĐQT	01/11/2015	Bổ nhiệm
		- Tổng giám đốc		



- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động của Công ty đến cuối kỳ là 1.150 người
- Về chính sách đối với người lao động: Đảm bảo tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định hiện hành của Luật lao động và các chế độ khen thưởng đãi ngộ của Công ty. Chăm lo đến đời sống, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, giải quyết kịp thời các chế độ trợ cấp, ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất... Tổ chức tốt các điều kiện về nơi ở, nơi làm việc, điều kiện đi lại cho người lao động. Quản lý và sử dụng có hiệu quả đúng mục đích quỹ Từ thiện, quỹ Khen thưởng phúc lợi trợ giúp người lao động khi gặp khó khăn. Hàng năm, công ty tổ chức hội nghị người lao động để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng từ đó xem xét giải quyết thỏa đáng cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư : Công ty Cổ phần Lilama 69-2 thực hiện 02 Dự án, trong đó có 01 Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2014 chuyển sang với giá trị khoảng 1,5 tỷ đồng, bao gồm nhà ăn ca, mua sắm các thiết bị còn lại như máy cưa vòng, máy vát mép ống. Năm 2015, Công ty thực hiện 01 dự án đầu tư nâng cao năng lực với giá trị được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt là 10 tỷ đồng, bao gồm đầu tư mua sắm một số thiết bị phục vụ thi công tại Nhà máy cũng như phục vụ thi công các công trình trong nước như: Cống trục 20/5 tấn, khẩu độ 20m; Cống trục 20/5 tấn, khẩu độ 35m; máy hàn các loại; máy phun sơn; máy nén khí trục vít; xe nâng hàng; máy hàn bu lông; máy phun bi làm sạch dầm H; máy cắt kỹ thuật số; cầu trục 5 tấn..... Đến hết tháng 12/2015, Công ty đã hoàn thành đầu tư các hạng mục, mua sắm thiết bị với tổng giá trị thực hiện đạt khoảng 7,652 tỷ đồng (trong đó 1,5 tỷ chuyển tiếp từ năm 2014 sang), bao gồm: nhà ăn ca, máy vát mép ống, máy cưa vòng, máy nén khí, máy phun sơn, xe nâng hàng, thiết bị lọc bụi. Các thiết bị khác như: cống trục 20/5 tấn khẩu độ 20m và 35 m Công ty đã ký hợp đồng và đang triển khai, thực hiện. Dự kiến đến hết quý II năm 2016, Công ty sẽ hoàn thành thực hiện đầu tư mua sắm các thiết bị còn lại phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, như: hoàn thành mua sắm và lắp dựng cống trục 20/5 tấn khẩu độ 20m và 35 m; máy hàn bu lông; máy phun bi làm sạch dầm H; máy cắt kỹ thuật số; cầu trục 5 tấn với giá trị khoảng 3,847 tỷ đồng.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

### 4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (VND)	Năm 2015 (VND)	So sánh tăng, giảm (%)
1. Tổng giá trị tài sản	352.770.156.560	424.876.457.374	20,4%
2. Doanh thu thuần	239.713.536.017	325.524.261.420	35,8%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	305.126.639	1.785.017.955	485,0%
4. Lợi nhuận khác	294.033.814	38.150.536	-87,0%
5. Lợi nhuận trước thuế	599.160.453	1.823.168.491	204,3%
6. Lợi nhuận sau thuế	451.526.514	1.537.968.783	240,6%
7. Tỷ lệ chia cổ tức (đã thực hiện)	0%	0%	0,0%

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	So sánh tăng, giảm %
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,069	1,073	0,3%
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,851	0,781	-8,2%
<b>2. Lợi nhuận khác</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,743	0,720	-3,1%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,897	3,328	14,9%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,297	4,276	29,7%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,811	0,766	-5,5%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,002	0,005	150,8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,005	0,017	235,2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,001	0,004	182,8%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,001	0,005	430,8%

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## a) Cổ phần của công ty: Mã chứng khoán L62

Tổng số cổ phần:	5.741.817 CP
Cổ phần đang lưu hành:	5.741.817 CP
Cổ phiếu quỹ :	0 CP
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	5.741.817 CP
Số lượng hạn chế chuyển nhượng:	0 CP

## b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 26/03/2015:

TT	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn sở hữu trên 5% tổng số CP</b>	<b>3.720.707</b>	<b>64,800%</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	3.047.807	53,081%	1	1	
	Ông Nguyễn Hữu Thanh	672.900	11,719%	1		1
<b>2</b>	<b>Cổ đông là tổ chức</b>	<b>195.782</b>	<b>3,410%</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	
<b>3</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>1.825.328</b>	<b>31,790%</b>	<b>351</b>	<b>1</b>	<b>350</b>
	Trong nước	1.824.878	31,782%	348		348
	Ngoài nước	450	0,008%	3	1	2
	<b>Cộng:</b>	<b>5.741.817</b>	<b>100%</b>	<b>369</b>	<b>18</b>	<b>351</b>

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1 Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Là công ty chuyên chế tạo, sản xuất, gia công và lắp đặt thiết bị, máy móc nên khối lượng nguyên vật liệu, vật tư, sử dụng năng lượng điện và tài nguyên nước là tương đối nhiều, vì vậy Công ty luôn có các chính sách và hoạt động nhằm quản lý, sử dụng một cách hiệu quả các nguồn nguyên vật liệu, tài nguyên, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước .

### **6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị trực thuộc, các đội thi công ; đồng thời thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về An toàn vệ sinh môi trường để đảm bảo phù hợp của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh .
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trong công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của công ty.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, phân loại và thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại để xử lý .

### **6.3 Chính sách liên quan đến người lao động**

- Công ty xây dựng thang lương, bảng lương, định biên, định mức lao động, đơn giá tiền lương theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật và Tổng công ty. Việc trả lương, thưởng được thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của công ty.
- Công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động, có kế hoạch huấn luyện về an toàn lao động; đảm bảo cung cấp các trang thiết bị BHLĐ cho các cá nhân làm việc theo đúng quy định . Thực hiện đầy đủ các chế độ cho an toàn vệ sinh viên và CBCNV làm việc thường xuyên tại các công trường thi công, các dự án.
- Tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh khác để có biện pháp chữa trị , thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBCNV theo quy định
- Công tác đào tạo luôn được công ty quan tâm với chủ trương đầu tư một cách có hiệu quả nguồn nhân lực để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công tác đào tạo nội bộ đã được nâng cao về cả số lượng và chất lượng .

### **6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Tích cực triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty phụ trách như : hỗ trợ quỹ phòng chống thiên tai bão lụt, học bổng cho học sinh, hỗ trợ tổ chức các hoạt động như trung thu, ngày hội đại đoàn kết tại khu dân cư
- Tổ chức gây quỹ và đóng góp Quỹ từ thiện của Công ty nhằm chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống .

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## - Phân tích tổng quát về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2015 (VNĐ)		
	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	385.000.000.000	388.000.000.000	100,8%
2. Doanh thu thuần	320.000.000.000	325.524.261.240	101,7%
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.500.000.000	1.823.168.491	72,9%
6. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1.950.000.000	1.537.968.783	78,9%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	2%	0%	0%

Như vậy kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 Công ty đạt 100,8% giá trị sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên các chỉ tiêu còn lại lần lượt là: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế; Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế; Tỷ lệ cổ tức chưa đạt vì: Năm 2015 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty cổ phần Lilama 69-2 nói riêng và ngành cơ khí nói chung. Các hợp đồng ký kết đơn giá cạnh tranh dẫn đến chi phí giá vốn tăng.

Những yếu tố chính tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Đặc thù của ngành cơ khí thi công xây lắp có vốn đầu tư máy móc thiết bị thi công lớn, chi phí khấu hao cao. Ngoài ra do tác động của nền kinh tế hiện nay còn nhiều khó khăn, giá đầu thầu cạnh tranh, chi phí đầu vào tăng cao, khó khăn trong công tác huy động nguồn nhân lực, nhất là các thợ lành nghề đã làm ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## - So sánh với cùng kỳ năm trước:

Chỉ tiêu	Năm 2014 (VNĐ)	Năm 2015 (VNĐ)	So sánh (%)
1. Tổng giá trị tài sản	352.770.156.560	424.876.457.374	20,4%
2. Doanh thu thuần	239.713.536.017	325.524.261.420	35,8%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	305.126.639	1.785.017.955	485,0%
4. Lợi nhuận khác	294.033.814	38.150.536	-87,0%
5. Lợi nhuận trước thuế	599.160.453	1.823.168.491	204,3%
6. Lợi nhuận sau thuế	451.526.514	1.537.968.783	240,6%
7. Tỷ lệ chia cổ tức (đã thực hiện)	0%	0%	0%

## - Những tiến bộ công ty đã đạt được :

Trong năm 2014 và 2015 công ty đã đầu tư chuyên sâu vào máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công nhằm thi công trọn gói các công trình lớn. Tăng cường mở rộng thị trường, duy trì quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống.

Công tác lập kế hoạch hàng tháng, quý đã từng bước khắc phục, số liệu kế hoạch đã sát hơn với thực tế, tổng hợp số liệu từ các bộ phận đến tổng thể toàn Công ty được cải thiện, đảm bảo chất lượng các báo cáo.

Các hợp đồng xây lắp trước khi triển khai thi công đều có phương án kinh tế tổng thể: Quản lý theo phương án kinh tế được duyệt, một mặt tăng cường tính chủ động cho Ban điều hành tại công trình, một mặt nâng cao năng lực quản lý của các phòng ban nghiệp vụ.



**2. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài sản****- Đối với tài sản cố định:**

Được phản ánh, theo dõi, quản lý chặt chẽ trên sổ sách, có kế hoạch sử dụng và quyết định giao nhận tài sản, kiểm kê định kỳ giao trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân quản lý sử dụng.

**- Đối với tài sản khác:**

+Chỉ biến động lớn ở mục "Phải thu của khác hàng" **201.285.376.210 đồng** so với số đầu kỳ **193.530.573.682 đồng**. Đây là giá trị khối lượng hoàn thành tại các dự án đến thời điểm 31/12/2015. Hầu hết các khoản công nợ này sẽ được Công ty thu hồi trong ngắn hạn.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Công nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản chính như sau:

	Số đầu kỳ (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)
1. Phải trả người bán	57.454.752.030	107.274.779.447
2. Người mua trả tiền trước	15.787.070.845	7.088.697.406
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.968.909.680	27.911.280.177
4. Phải trả người lao động	10.352.340.862	8.332.609.037
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	18.352.630.468	16.664.040.583
6. Vay và nợ dài hạn	29.348.382.997	26.827.353.476

(\*) Kinh phí công đoàn: 2.300.256.626 đồng; Bảo hiểm XH+YT+TN: 11.267.222.021 đồng ; Các khoản phải trả, phải nộp khác : 3.096.561.936 đồng .

Không có các khoản công nợ xấu nào. Không có ảnh hưởng tỷ giá hối đoái do Công ty không có khoản công nợ phải trả nào có gốc ngoại tệ.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế quản lý Doanh nghiệp, cập nhật kịp thời các thông tư, chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động;
- Tăng cường công tác quản lý nhân sự, phương tiện thi công, tài chính, kỹ thuật, quản lý máy...;
- Đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý;
- Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm việc làm mới;
- Giảm chi phí, tiết kiệm trong SXKD.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Công ty đã xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn định hướng cụ thể cho từng giai đoạn.

- Kế hoạch trong ngắn hạn (năm 2016):

Giá trị sản xuất kinh doanh: 400.000 triệu đồng; Doanh thu: 352.000 triệu đồng; Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 4.200 triệu đồng; Nộp ngân sách Nhà nước: 15.000 triệu đồng

- Trong dài hạn:

Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm việc làm, từng bước đa dạng hóa, mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng thị trường ra ngoài nước. Đồng thời cắt giảm, giám sát chặt chẽ tiết kiệm chi phí



giảm giá thành sản phẩm tạo ra nhiều việc làm cho CBCNV. Đảm bảo các tiêu chí về an toàn lao động, môi trường. Xây dựng và giữ vững uy tín của Công ty trên thị trường.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường cho Tổng công ty và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương .

- Công ty từng bước cải thiện và nâng cao năng suất lao động, tăng mức thu nhập bình quân cho người lao động, mức thu nhập năm sau cao hơn năm trước .

- Công tác an sinh xã hội cũng được công ty luôn quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương .

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, hiệu quả tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ngoài ra Hội đồng quản trị Công ty còn chú trọng đến công tác rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế, quy định điều hành của Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác của Công ty. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý dễ dàng tham khảo, giám sát thông tin, số liệu, chỉ tiêu của Công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị giám sát chỉ đạo thực hiện một số nội dung khác như:

+ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn theo quy định;

+ Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 24 tháng 04 năm 2015 .

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, vai trò của mình: Đẩy mạnh và giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh; đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Ngoài ra Hội đồng quản trị còn chú trọng tới công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế, quy định điều hành của Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác. HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã đưa ra những định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch bảo đảm quyền lợi và bảo toàn đồng vốn cho các cổ đông và nhà đầu tư. HĐQT chỉ đạo một số công việc triển khai trong thời gian sắp tới:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn quy định;

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2016 dự kiến tháng 04 năm 2016 ;

- Chỉ đạo, đôn đốc Ban giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Hoàn thiện các quy chế quản lý Doanh nghiệp;
- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm; phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT;
- Rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
- Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước.

**V. Quản trị công ty****1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần hạn chế chuyên nhượng	CP chuyên nhượng tự do	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Ông Nguyễn Hữu Thanh</b> Đại diện: 20% phần vốn Nhà nước	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/09/2015)	1.148.363	672.900	1.821.263	31,72%
2	<b>Ông Vũ Kế Chương</b> Đại diện: 18,1% phần vốn Nhà nước	- Q. Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015) - Tổng giám đốc	1.039.269	23.000	1.062.269	18,50%
3	<b>Ông Nguyễn Quốc Hùng</b> Đại diện: 15% vốn Nhà nước	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	860.175		860.175	14,98%
4	<b>Ông Trần Xuân Trường</b>	Thành viên HĐQT - P. Tổng giám đốc		139.203	139.203	2,42%
5	<b>Bà Lê Thị Minh</b>	Thành viên HĐQT		2.590	2.590	0,05%

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT không thành lập các tiểu ban mà giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách các lĩnh vực :

- \* Tổ chức - Hành chính;
- \* Tài chính - Kế toán;
- \* Vật tư thiết bị;
- \* Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2015, HĐQT họp 23 phiên, 8 phiên tập trung và 15 phiên lấy ý kiến.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi Hội họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch	17	74	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 24/09/2015 Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT ngày 01/11/2015
2	Ông Vũ Kế Chương	Thành viên	23	100	Bỏ nhiệm chức vụ Quyền chủ tịch HĐQT ngày 01/11/2015
3	Ông Trần Xuân Trường	Thành viên	23	100	
4	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên	23	100	
5	Bà Lê Thị Minh	Thành viên	23	100	

Ra các Nghị quyết, Quyết định với nội dung sau :

STT	NGÀY	KÝ HIỆU	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	06/01/2015	01/BB-HĐQT/2015	- Biên bản về bảo lãnh thanh toán HĐ Fansifan Công ty Olympia (Ngân Hàng TMCP An Bình)	
2	16/01/2015	06/BB-HĐQT/2015	- Biên bản về bảo lãnh thanh toán HĐ Fansifan Công ty Ánh Dương (Ngân Hàng TMCP An Bình)	
3	28/01/2015	10/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT quý I/2015 - Kết quả SXKD năm 2014, KH năm 2015 - Xin ý kiến Bỏ nhiệm Tổng giám đốc	
4	29/01/2015	11/BB-HĐQT	- Biên bản chấp thuận vay Công ty thuê tài chính – Vietcombank (mua máy móc thiết bị dự án năm 2014)	
5	29/01/2015	12/BB-HĐQT/2015	- Biên bản chấp thuận phát hành LC cho công trình Fansifan (Ngân Hàng TMCP An Bình)	
6	08/04/2015	43/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp chốt số liệu ĐHCĐ thường niên 2015 và Bỏ nhiệm lại Tổng giám đốc	
7	22/04/2015	56/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT về vay vốn hạn mức Ngân Hàng TMCP An Bình	
8	24/07/2015	60/QĐ-HĐQT/2015	- Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT năm 2015	
9	02/05/2015	64/QĐ-HĐQT/2015	- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu thầu dự án đầu tư năm 2015	
10	27/05/2015	75/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT Quý 2 triển khai nghị quyết ĐHCĐ, ước thực hiện SXKD quý 2 và KH quý 3/2015	
11	08/06/2015	80/NQ-HĐQT 2015	- Nghị quyết phê duyệt đơn vị Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K là đơn vị kiểm toán 2015	
12	16/06/2015	85/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT vay vốn ngân hàng Quân đội mua thiết bị đầu tư 2015	

STT	NGÀY	KÝ HIỆU	NỘI DUNG	GHI CHÚ
13	22/06/2015	88/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT vay vốn ngân hàng SHB ( Hạn mức tín dụng và bảo lãnh)	
14	20/07/2015	98/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT vay vốn ngân hàng An Bình ( Hạn mức tín dụng và bảo lãnh)	
15	20/07/2015	99/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT Quý III/2015 : Kết quả thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2015 ; miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT khi có quyết định)	
16	30/07/2015	105/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT công ty đồng ý bổ nhiệm lại Ông Trương Đức Thành .	
17	05/08/2015	109/BB-HĐQT	- Biên bản họp HĐQT vay vốn ngân hàng Quân đội ( Hạn mức tín dụng và bảo lãnh)	
18	25/08/2015	118/BB-HĐQT/2015 119/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT . - Biên bản họp HĐQT về nội dung Thanh tra .	
19	24/09/2015	132+135/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT về kế hoạch SXKD quý IV; đánh giá việc thực hiện SXKD quý III và miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Thanh	
20	27/10/2015	148/BB-HĐQT/2015	- Biên bản họp HĐQT về nhân sự thành viên HĐQT và bầu chủ tịch HĐQT ( Ông Vũ Kế Chương – Quyền Chủ tịch )	
21	09/11/2015	156/NQ-HĐQT/2015	- Nghị quyết phê duyệt quỹ lương năm 2015	
22	21/12/2015	165/QĐ-HĐQT/2115	- Quyết định của HĐQT phê duyệt Báo cáo KTKT điều chỉnh năm 2015	
23	26/12/2015	167/QĐ-HĐQT/2015	- Quyết định của HĐQT phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2015	
24	28/12/2015	168/BB-HĐQT/2015 169/NQ-HĐQT/2015	- Biên bản và nghị quyết họp HĐQT xem xét Kết quả SXKD năm 2015 và kế hoạch năm 2016 .	
25	29/12/2015	170/BB-HĐQT/2015 171/QĐ-HĐQT	- Biên bản và nghị quyết họp HĐQT về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Giám Hiệu và Ông Trương Đức Thành	
26	23/12/2015	175+176/BB-HĐQT	- Biên bản họp HĐQT giao nhiệm vụ cho ban kiểm soát nội bộ .	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Nằm trong hệ thống hoạt động chung của HĐQT .

e) Hoạt động của Hội đồng quản trị theo từng lĩnh vực được phân công cụ thể :

\* Tổ chức – Hành chính

- Tổ chức bộ máy, Tuyển dụng, sử dụng nhân sự
- Thực hiện chế độ chính sách với người lao động
- Thi đua khen thưởng, kỷ luật và quy hoạch cán bộ
- Quản lý lưu trữ mọi thông tin về người lao động .



**\* Tài chính - Kế toán :**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, kiểm soát, phân tích và quản trị tài chính
- Lập kế hoạch thu, chi tài chính, cân đối nguồn vốn công nợ và nguồn vốn vay, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Tổ chức xây dựng bộ máy tài chính kế toán trong toàn bộ Công ty phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất của công ty theo từng giai đoạn .
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trong công tác thu hồi vốn, thu hồi vật tư, thanh quyết toán đối với các hợp đồng kinh tế trong công ty .
- Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo tài chính, báo cáo thuế, thống kê, quyết toán và công bố thông tin theo quy định chế độ tài chính hiện hành.

**\* Vật tư - Thiết bị :**

- Đảm bảo việc cung ứng nguyên, nhiên vật liệu, cấu kiện máy móc, thiết bị, công cụ hỗ trợ sản xuất... được kịp thời, đầy đủ về số lượng và chất lượng theo đúng chủng loại, quy cách, mẫu mã, đáp ứng quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .
- Quản lý chính xác số lượng, chủng loại, chất lượng các loại nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị, công cụ hỗ trợ sản xuất ... hiện có của công ty, khả năng tiêu dùng và huy động bổ sung đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quản lý kho vật tư của công ty, xây dựng kế hoạch bảo trì máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa dự trữ nhằm đảm bảo sự an toàn, chất lượng của tài sản lưu kho. Có biện pháp đảm bảo vật tư, máy móc, thiết bị lưu kho không bị mất mát, hư hỏng, mất phẩm chất
- Cung cấp BHLĐ cho CBCNV theo quy định .

**\* Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật**

- Lập kế hoạch và báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty từng thời kỳ (quý, năm....),.
- Quan hệ khai thác khách hàng để mở rộng thị trường , nắm bắt nhu cầu của thị trường, bóc tiền lượng, lập dự toán, biện pháp tổ chức thi công,... lập Hồ sơ dự thầu, chào giá đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Thương thảo và lập Hợp đồng kinh tế với các đối tác đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ theo pháp luật hiện hành.
- Tổ chức duyệt biện pháp thi công của các đơn vị sản xuất.
- Lập dự toán nội bộ để giao khoán cho các đơn vị sản xuất (theo quy chế khoán), đảm bảo đúng đủ giá khoán cho đơn vị sản xuất.
- Giám sát việc thi công tại các đơn vị, các công trình, có biện pháp cụ thể hỗ trợ các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.
- Theo dõi các đơn vị lập các biểu khối lượng hoàn thành hàng tháng và theo giai đoạn quy định trong hợp đồng. Kết hợp với đội công trình lập hồ sơ nghiệm thu, bàn giao, thanh lý hợp đồng và quản lý lưu trữ.



f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị ( Miễn nhiệm ngày 24/09/2015)
2	Ông Vũ Kế Chương	Q. Chủ tịch HĐQT ( Bổ nhiệm ngày 01/11/2015) - Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
4	Ông Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT - P.Tổng giám đốc
5	Bà Lê Thị Minh	Thành viên HĐQT

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

TT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Ông Đỗ Xuân Trường	-Trưởng BKS	124 Minh Khai, Hà Nội	-	-
2	Bà Vũ Thị Nga	-Thành viên BKS	112 Đường HN, Thượng Lý, Hồng Bàng, HP	86.000	1,50%
3	Ông Nguyễn Sơn Hùng	-Thành viên BKS	Số 49 đường Lạch Tray, P.Lạch Tray, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng	-	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2015 Đến 31/12/2015 VNĐ
Lương chuyên trách HĐQT	180.000.000
Phụ cấp HĐQT	153.180.000
Lương Ban Tổng giám đốc	898.080.000
Phụ cấp Ban kiểm soát	82.800.000
<b>Cộng</b>	<b>1.314.060.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015 : Không có .

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có .

- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Luật được thực hiện nghiêm túc.

**VI. Báo cáo tài chính**

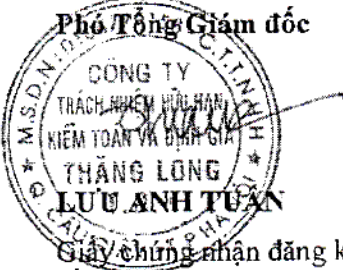
1. Ý kiến kiểm toán

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**



**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

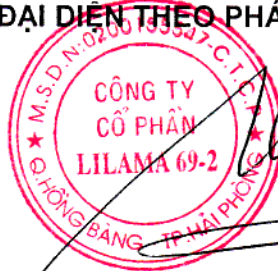
**NGUYỄN TIÊN THÀNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1026-2014-045-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1706-2014-045-1

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2016

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Kế Chương*



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**

**Trụ sở chính:** Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,  
ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**Tel:** (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

**Email:** thanglongkiemtoan@gmail.com

**Website:** www.kiemtoanthanglongtdk.com

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**Được kiểm toán bởi:**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 3
2	<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4
3	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 - 30

11/4/2023 10:15 AM



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 17/4/2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 24/9/2015
Ông Vũ Kế Chương	Quyền Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 01/11/2015
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị	
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị	

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com  
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 136/2015/BCKT-TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-2**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 22/02/2016, trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN TIÊN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1026-2014-045-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1706-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>328.282.516.219</b>	<b>252.649.397.507</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>28.413.907.197</b>	<b>2.390.281.654</b>
1. Tiền	111		28.413.907.197	2.390.281.654
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>210.464.106.483</b>	<b>198.687.305.224</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	201.285.376.210	193.530.573.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.435.042.995	4.115.459.326
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	12.921.537.899	8.219.122.837
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		235.181.818	235.181.818
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>89.108.337.870</b>	<b>51.554.511.511</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	89.108.337.870	51.554.511.511
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>296.164.669</b>	<b>17.299.118</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	284.859.333	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	11.305.336	17.299.118
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>96.593.941.155</b>	<b>100.120.759.053</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.055.901.363</b>	<b>1.876.293.653</b>
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.03	2.055.901.363	1.876.293.653
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.919.413.529</b>	<b>88.505.617.126</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	81.675.379.909	87.650.331.639
- Nguyên giá	222		147.757.146.966	144.738.166.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.081.767.057)	(57.087.835.326)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	1.244.033.620	855.285.487
- Nguyên giá	225		2.615.745.461	1.540.254.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.371.711.841)	(684.969.065)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.09	<b>7.328.450.542</b>	<b>4.486.598.727</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.328.450.542	4.486.598.727
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.290.175.721</b>	<b>5.252.249.547</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	4.290.175.721	5.252.249.547
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>424.876.457.374</b>	<b>352.770.156.560</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>332.900.653.903</b>	<b>262.247.321.872</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>306.073.300.427</b>	<b>232.898.938.875</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	107.274.779.447	57.454.752.030
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.088.697.406	15.787.070.845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	27.911.280.177	26.968.909.680
4. Phải trả người lao động	314		8.332.609.037	10.352.340.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.751.601.840	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	16.664.040.583	18.352.630.468
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	136.800.389.468	103.806.332.521
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		249.902.469	176.902.469
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.827.353.476</b>	<b>29.348.382.997</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	26.827.353.476	29.348.382.997
<b>III. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.975.803.471</b>	<b>90.522.834.688</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>91.975.803.471</b>	<b>90.522.834.688</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.418.170.000	57.418.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		57.418.170.000	57.418.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.897.222.273	12.897.222.273
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.596.906.316	18.374.311.316
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.410.200.421	1.387.940.921
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.653.304.461	445.190.178
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		115.335.678	445.190.178
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.537.968.783	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>424.876.457.374</b>	<b>352.770.156.560</b>



Vũ Kế Chương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Quốc Hùng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	325.524.261.420	239.713.536.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		325.524.261.420	239.713.536.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	300.757.086.727	216.549.921.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.767.174.693	23.163.614.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	904.907.659	40.009.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	13.175.001.418	13.423.323.685
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.762.778.445	13.071.567.348
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.712.062.979	9.475.173.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.785.017.955	305.126.639
11. Thu nhập khác	31		92.363.560	763.124.723
12. Chi phí khác	32		54.213.024	469.090.909
13. Lợi nhuận khác	40		38.150.536	294.033.814
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.823.168.491	599.160.453
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	285.199.708	147.633.939
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.537.968.783	451.526.514
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	268	79
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Vũ Kế Chương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Quốc Hùng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	328.509.688.174	178.482.218.087
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(207.481.418.665)	(122.468.239.360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(90.143.151.735)	(64.584.879.847)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(12.941.342.824)	(13.091.906.436)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(1.335.540)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	11.551.109.400	8.939.450.932
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(29.545.830.836)	(9.230.926.576)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(52.282.026)</b>	<b>(21.954.283.200)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.320.878.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.669.587	28.863.226
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.248.208.413)</b>	<b>28.863.226</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	186.802.344.666	143.016.151.548
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(156.938.802.898)	(124.122.453.273)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(533.353.332)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>29.330.188.436</b>	<b>18.893.698.275</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>26.029.697.997</b>	<b>(3.031.721.699)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.390.281.654</b>	<b>5.422.003.353</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.072.454)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>28.413.907.197</b>	<b>2.390.281.654</b>



**Vũ Kế Chương**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

**Nguyễn Quốc Hùng**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hoài Thương**  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 57.418.170.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.741.817 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

**2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG*****Chế độ kế toán áp dụng:***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:***

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**2. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:



- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **6. GHI NHẬN DOANH THU**

##### Doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây lắp được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác nhận một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**7. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**8. THUẾ**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

**9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**10. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

/// \* \* \* \* \* ///

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.325.269.320	576.223.624
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.088.637.877	1.814.058.030
<b>Cộng</b>	<b>28.413.907.197</b>	<b>2.390.281.654</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>145.625.196.534</b>	<b>140.612.103.831</b>
C.ty TNHH OLYMPIA (HD: 2011/2014/HĐ/OLP-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014 )	6.464.833.075	2.425.993.358
Cty CP tập đoàn XD và DL Bình Minh (XMTrung Sơn)	14.010.128.295	50.136.104.801
Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam - HĐ HTSMPBF.SS/C15-013 ngày 8/9/2015	6.203.621.760	-
C.ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng ánh Dương (HD: 148/2014/HĐ/ADC-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)	9.217.998.699	-
- Khách hàng khác	109.728.614.705	88.050.005.672
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>55.660.179.676</b>	<b>52.918.469.851</b>
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	24.510.055.182	36.870.448.472
- Công ty CP chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng	28.899.507.859	12.524.456.822
- Công ty cổ phần Lilama 10	1.993.501.357	3.493.501.357
- Công ty cổ phần Lilama 69-3	30.063.200	30.063.200
- Công ty cổ phần Lilama 7	227.052.078	-
<b>Cộng</b>	<b>201.285.376.210</b>	<b>193.530.573.682</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.921.537.899</b>	-	<b>8.219.122.837</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.429.969.646	-	927.118.745	-
- Phải thu khác	258.723.309	-	237.754.260	-
- Tạm ứng	10.232.844.944	-	7.054.249.832	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.055.901.363</b>	-	<b>1.876.293.653</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.055.901.363	-	1.876.293.653	-
<b>Cộng</b>	<b>14.977.439.262</b>	-	<b>10.095.416.490</b>	-

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.099.713.106	-	2.697.097.242	-
Công cụ, dụng cụ	1.498.199.166	-	169.621.292	-
Chi phí SXKD dở dang	85.510.425.598	-	48.687.792.977	-
<b>Cộng</b>	<b>89.108.337.870</b>	<b>-</b>	<b>51.554.511.511</b>	<b>-</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>284.859.333</b>	<b>-</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	268.859.333	-
- Sửa chữa tài sản cố định	16.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.290.175.721</b>	<b>5.252.249.547</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	138.752.228	147.024.371
- Giá trị còn lại của tài sản không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ	-	360.741.183
- Tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Ân Lão (*)	4.151.423.493	4.744.483.993
<b>Cộng</b>	<b>4.575.035.054</b>	<b>5.252.249.547</b>

(\*) Tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình, Công ty theo dõi trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và thực hiện phân bổ với thời gian 10 năm theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 25/10/2013.

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	máy vi tính	vô hình khác	
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	74.488.120.057	30.838.125.086	38.928.917.801	483.004.021	-	144.738.166.965
- Mua trong năm	-	1.828.980.000	1.190.000.001	-	-	3.018.980.001
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>74.488.120.057</u>	<u>32.667.105.086</u>	<u>40.118.917.802</u>	<u>483.004.021</u>	<u>-</u>	<u>147.757.146.966</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	12.560.218.813	17.345.075.768	26.787.201.666	395.339.079	-	57.087.835.326
- Khấu hao trong năm	2.944.417.080	2.543.958.733	3.476.076.866	29.479.052	-	8.993.931.731
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>15.504.635.893</u>	<u>19.889.034.501</u>	<u>30.263.278.532</u>	<u>424.818.131</u>	<u>-</u>	<u>66.081.767.057</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	61.927.901.244	13.493.049.318	12.141.716.135	87.664.942	-	87.650.331.639
Số cuối năm	<u>58.983.484.164</u>	<u>12.778.070.585</u>	<u>9.855.639.270</u>	<u>58.185.890</u>	<u>-</u>	<u>81.675.379.909</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

77.591.376.553 đồng  
18.806.890.830 đồng



**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng  <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	1.540.254.552	-	1.540.254.552
- Thuê tài chính trong năm	1.075.490.909	-	1.075.490.909
Số cuối năm	<u>2.615.745.461</u>	-	<u>2.615.745.461</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	684.969.065	-	684.969.065
- Khấu hao trong năm	686.742.776	-	686.742.776
Số cuối năm	<u>1.371.711.841</u>	-	<u>1.371.711.841</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>855.285.487</u>	-	<u>855.285.487</u>
Số cuối năm	<u>1.244.033.620</u>	-	<u>1.244.033.620</u>

**9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá đánh giá lại <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		-		-
Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện An Lão	2.289.872.485	2.289.872.485	1.922.254.485	1.922.254.485
Nhà ăn An Lão	2.523.435.151	2.523.435.151	2.523.435.151	2.523.435.151
Khác	2.515.142.906	2.515.142.906	40.909.091	40.909.091
<b>Cộng</b>	<u>7.328.450.542</u>	<u>7.328.450.542</u>	<u>4.486.598.727</u>	<u>4.486.598.727</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015

**0. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>84.370.299.159</b>	<b>84.370.299.159</b>	<b>52.282.701.507</b>	<b>52.282.701.507</b>
- C.Ty TNHH Chống ăn mòn Hoàng Long	1.091.191.487	1.091.191.487	1.441.191.487	1.441.191.487
- Cty TNHH TMDV XNK Phước Phong	1.057.421.505	1.057.421.505	1.407.421.505	1.407.421.505
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	1.724.950.590	1.724.950.590	5.697.962.042	5.697.962.042
- Phải trả khác	80.496.735.577	80.496.735.577	43.736.126.473	43.736.126.473
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>22.904.480.288</b>	<b>22.904.480.288</b>	<b>5.172.050.523</b>	<b>5.172.050.523</b>
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	16.500.000	16.500.000	68.557.627	68.557.627
- Công ty CP Lilama 7	2.995.667.222	2.995.667.222	3.232.667.222	3.232.667.222
- Công ty CP Lilama 5	298.564.200	298.564.200	298.564.200	298.564.200
- Công ty CP dịch vụ công nghiệp LILAMA 69-3	2.292.348.743	2.292.348.743	1.565.022.014	1.565.022.014
- Công ty CP Lilama 454.	258.641.668	258.641.668	-	-
- Công ty CP chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng	15.949.899.255	15.949.899.255	-	-
- Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	1.092.859.200	1.092.859.200	7.239.460	7.239.460
<b>Cộng</b>	<b>107.274.779.447</b>	<b>107.274.779.447</b>	<b>57.454.752.030</b>	<b>57.454.752.030</b>

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>26.968.909.680</b>	<b>11.051.990.194</b>	<b>10.109.619.697</b>	<b>27.911.280.177</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	24.675.625.613	10.169.086.056	9.550.705.985	25.294.005.684
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.999.000	4.999.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.109.075	267.541.466	1.335.540	1.560.315.001
- Thuế thu nhập cá nhân	836.031.511	218.180.000	-	1.054.211.511
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	160.395.500	387.089.882	547.485.382	-
- Các loại thuế khác	2.747.981	5.093.790	5.093.790	2.747.981
<b>b. Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>17.299.118</b>	<b>25.993.782</b>	<b>20.000.000</b>	<b>11.305.336</b>
- Thuế khác	17.299.118	25.993.782	20.000.000	11.305.336

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.751.601.840</b>	-
- Trích trước chi phí công trình	1.751.601.840	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.751.601.840</b>	-

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.664.040.583</b>	<b>18.352.630.468</b>
- Kinh phí công đoàn	2.300.256.626	2.619.586.226
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	9.356.614.092	12.011.242.132
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.910.607.929	1.526.790.999
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.096.561.936	2.195.011.111
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.664.040.583</b>	<b>18.352.630.468</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015**4. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm		Trong năm		Giảm	Giá trị	Số đầu năm	
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng	Giảm			Số có khả năng trả nợ	Trả nợ gốc
a)	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>136.800.389.468</b>	<b>136.800.389.468</b>	<b>185.348.927.066</b>	<b>152.354.870.119</b>	<b>103.806.332.521</b>	<b>103.806.332.521</b>	<b>103.806.332.521</b>	<b>103.806.332.521</b>	<b>103.806.332.521</b>
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(1)</sup>	69.994.065.789	69.994.065.789	81.761.726.751	76.401.262.482	64.633.601.520	64.633.601.520	64.633.601.520	64.633.601.520	64.633.601.520
-	Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	-	2.568.772.890	2.568.772.890	2.568.772.890	2.568.772.890	2.568.772.890	2.568.772.890
-	Ngân hàng TMCP An Bình <sup>(2)</sup>	50.703.192.486	50.703.192.486	90.489.531.008	62.873.405.633	23.087.067.111	23.087.067.111	23.087.067.111	23.087.067.111	23.087.067.111
-	Ngân hàng TMCP quân đội <sup>(3)</sup>	6.788.531.193	6.788.531.193	11.089.960.307	4.301.429.114	-	-	-	-	-
-	Vay cá nhân	9.314.600.000	9.314.600.000	2.007.709.000	6.210.000.000	13.516.891.000	13.516.891.000	13.516.891.000	13.516.891.000	13.516.891.000
b)	<b>Vay dài hạn</b>	<b>25.741.914.804</b>	<b>25.741.914.804</b>	<b>1.808.329.600</b>	<b>4.624.133.789</b>	<b>28.557.718.993</b>	<b>28.557.718.993</b>	<b>28.557.718.993</b>	<b>28.557.718.993</b>	<b>28.557.718.993</b>
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	24.085.185.204	24.085.185.204	-	4.472.533.789	28.557.718.993	28.557.718.993	28.557.718.993	28.557.718.993	28.557.718.993
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng <sup>(5)</sup>	1.656.729.600	1.656.729.600	1.808.329.600	151.600.000	-	-	-	-	-
c)	<b>Thuế tài chính</b>	<b>1.085.438.672</b>	<b>1.085.438.672</b>	<b>828.128.000</b>	<b>533.353.332</b>	<b>790.664.004</b>	<b>790.664.004</b>	<b>790.664.004</b>	<b>790.664.004</b>	<b>790.664.004</b>
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN <sup>(6)</sup>	1.085.438.672	1.085.438.672	828.128.000	533.353.332	790.664.004	790.664.004	790.664.004	790.664.004	790.664.004
	<b>Cộng</b>	<b>163.627.742.944</b>	<b>163.627.742.944</b>	<b>187.985.384.666</b>	<b>157.512.357.240</b>	<b>133.154.715.518</b>	<b>133.154.715.518</b>	<b>133.154.715.518</b>	<b>133.154.715.518</b>	<b>133.154.715.518</b>

**d) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 đến 5 năm	636.429.330	533.353.332	528.069.490	395.331.996
	103.075.998	133.737.494	132.737.494	395.331.996



**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 5609/2015/HĐHM-PN/SHB 110400 ngày 24/9/2015, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 70 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/3/2014; Hợp đồng số 733.KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 203.KD/09.TCTS ngày 23/3/2009; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/5/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/2/2013; Hợp đồng số SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHBHP ngày 27/4/2011; Hợp đồng số 2406/2012/TCQĐN/SHBHP ngày 04/6/2012; Hợp đồng 5607/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 30/7/2013; Hợp đồng số 7810/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 17/10/2013; Hợp đồng số 10507/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 05/7/2014; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/3/2014 và bổ sung các phụ lục hợp đồng số 203.KD/09.TCTS/2014/PLHĐ-05 ngày 24/9/2015; phụ lục hợp đồng số 733.KD/08TCTS/2014/PLHĐ-04 ngày 24/9/2015, phụ lục hợp đồng số 4203.01/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL02 ngày 24/9/2015.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2025/15/TD-TT/XI ngày 22/05/2015, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 70 tỷ đồng (bao gồm toàn bộ số dư cấp tín dụng ngắn hạn hiện có). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay trong hạn: 8,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/ lần kể từ thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản và quyền đòi nợ quy định trong hợp đồng thế chấp số 12/14/TC/XI ngày 23/01/2014, Hợp đồng số 1393/14/TC/XI ngày 24/10/2014, Hợp đồng số 170/15/TC-TT/XI ngày 06/04/2015, hợp đồng thế chấp số 293/15/TCC-TT/XI ngày 06/2/2015.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 111.15.257.1339407.TD ngày 04/8/2015, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trong hợp đồng đảm bảo số 4.15.257.133940.ĐB ngày 30/1/2015.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(6) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thuê tài chính số 12.13.05/CTTC ngày 24/10/2013, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.185.996.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm.

+ Hợp đồng thuê tài chính số 12.15.02/CTTC ngày 04/03/2015, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.183.040.000 đồng, tỷ lệ cho thuê: 70% giá trị tài sản tương đương 828.128.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015**5. VỐN CHỦ SỞ HỮU****5.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2015</b>	<b>57.418.170.000</b>	<b>12.897.222.273</b>	-	-	-	-	<b>18.374.311.316</b>	<b>1.387.940.921</b>	<b>445.190.178</b>	<b>90.522.834.688</b>				
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	1.537.968.783	1.537.968.783	-	-	-	1.537.968.783
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	222.595.000	22.259.500	-	244.854.500	-	-	-	244.854.500
- Tăng khác	-	-	-	-	716.447.917	-	-	-	-	716.447.917	-	-	-	716.447.917
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	329.854.500	-	-	-	329.854.500
- Giảm khác	-	-	-	-	716.447.917	-	-	-	-	-	-	-	-	716.447.917
<b>31/12/2015</b>	<b>57.418.170.000</b>	<b>12.897.222.273</b>	-	-	-	-	<b>18.596.906.316</b>	<b>1.410.200.421</b>	<b>1.653.304.461</b>	<b>91.975.803.471</b>				

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	222.595.000	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	95.000.000	đồng
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	22.259.000	đồng
Tổng cộng	329.854.500	đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	30.478.070.000	30.478.070.000
- Vốn góp của cổ đông khác	26.940.100.000	26.940.100.000
<b>Cộng</b>	<b>57.418.170.000</b>	<b>57.418.170.000</b>

**15.3 CỔ PHIẾU**

	<b>Số cuối năm CP</b>	<b>Số đầu năm CP</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.741.817	5.741.817
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu phổ thông	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu phổ thông	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>325.524.261.420</b>	<b>239.713.536.017</b>
- Doanh thu hoạt động xây lắp	305.275.189.727	219.668.338.961
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	20.249.071.693	20.045.197.056
<b>Cộng</b>	<b>325.524.261.420</b>	<b>239.713.536.017</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Giá vốn hoạt động xây lắp	281.382.572.380	197.266.490.619
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	19.374.514.347	19.283.431.347
<b>Cộng</b>	<b>300.757.086.727</b>	<b>216.549.921.966</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.376.536	24.602.710
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	260.594.044	2.510.514
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	598.937.079	12.896.736
<b>Cộng</b>	<b>904.907.659</b>	<b>40.009.960</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	12.762.778.445	13.071.567.348
- Lỗi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	412.222.973	332.469.228
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ		19.287.109
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.175.001.418</b>	<b>13.423.323.685</b>

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.537.968.783	451.526.514
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>268</b>	<b>79</b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.823.168.491</b>	<b>599.160.453</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>62.041.074</b>	<b>71.902.906</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	54.213.024	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	7.828.050	71.902.906
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>588.847.255</b>	<b>-</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	588.847.255	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>1.296.362.310</b>	<b>671.063.359</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>285.199.708</b>	<b>147.633.939</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	102.292.434.672	49.504.752.711
Chi phí nhân công	89.543.632.326	62.733.279.975
Khấu hao tài sản cố định	9.680.674.507	9.690.388.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.899.639.478	31.586.377.147
Chi phí bằng tiền khác	20.781.173.257	29.970.279.266
<b>Cộng</b>	<b>348.197.554.240</b>	<b>183.485.077.703</b>



**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.413.907.197	2.390.281.654
Phải thu khách hàng và phải thu khác	216.262.815.472	203.625.990.172
<b>Cộng</b>	<b>244.676.722.669</b>	<b>206.016.271.826</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	163.627.742.944	133.154.715.518
Phải trả người bán và phải trả khác	110.371.341.383	59.649.763.141
Chi phí phải trả	1.751.601.840	-
<b>Cộng</b>	<b>275.750.686.167</b>	<b>192.804.478.659</b>

Tại ngày 31/12/2015 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lí rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi ích của công ty.



**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	136.800.389.468	26.827.353.476	163.627.742.944
Phải trả người bán và phải trả khác	110.371.341.383	-	110.371.341.383
Chi phí phải trả	1.751.601.840	-	1.751.601.840
<b>Cộng</b>	<b>248.923.332.691</b>	<b>26.827.353.476</b>	<b>275.750.686.167</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	103.806.332.521	29.348.382.997	133.154.715.518
Phải trả người bán và phải trả khác	59.649.763.141	-	59.649.763.141
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>163.456.095.662</b>	<b>29.348.382.997</b>	<b>192.804.478.659</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.413.907.197	-	28.413.907.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	214.206.914.109	2.055.901.363	216.262.815.472
<b>Cộng</b>	<b>242.620.821.306</b>	<b>2.055.901.363</b>	<b>244.676.722.669</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.390.281.654	-	2.390.281.654
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.749.696.519	1.876.293.653	203.625.990.172
<b>Cộng</b>	<b>204.139.978.173</b>	<b>1.876.293.653</b>	<b>206.016.271.826</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.275.189.727	20.249.071.693	325.524.261.420
Khấu hao và chi phí phân bổ	9.078.493.056	602.181.451	9.680.674.507
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.442.300.214	95.668.569	1.537.968.783
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4.097.104.447	-	4.097.104.447
Tài sản bộ phận	424.876.457.374	-	424.876.457.374
<b>Tổng tài sản</b>	<b>424.876.457.374</b>	-	<b>424.876.457.374</b>
Nợ phải trả bộ phận	332.900.653.903	-	332.900.653.903
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>332.900.653.903</b>	-	<b>332.900.653.903</b>

*Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý*

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	325.524.261.420	-	325.524.261.420
Tài sản bộ phận	424.876.457.374	-	424.876.457.374
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4.097.104.447	-	4.097.104.447

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>c) Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	321.919,78	88.470,25
- EUR	207,53	218,45

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:	Kỳ này
- Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.183.040.000

**VIII. THÔNG TIN KHÁC**

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Thông tin về các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>	<b>1.314.060.000</b>	<b>1.453.500.000</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.314.060.000	1.453.500.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	
- Nhiệt điện Mông Dương			6.885.998.144
- Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn			26.896.727.529

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Phải thu/(Phải trả)</b>
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	24.510.055.182
		Người mua trả tiền trước	(1.111.086.279)
		Phải trả người bán	(16.500.000)
Công ty cổ phần lilama 10	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	1.993.501.357
Công ty cổ phần lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	227.052.078
Công ty cổ phần lilama 69.3	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	30.063.200
Công ty cổ phần chế tạo và đóng tàu thiết bị Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	28.899.507.859
Công ty cổ phần chế tạo và đóng tàu thiết bị Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Người mua trả tiền trước	(1.781.379.671)
Công ty cổ phần lilama 45.4	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(258.641.668)
Công ty cổ phần lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(298.564.200)
Công ty cổ phần lilama 69.3	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(2.292.348.743)
Công ty cổ phần lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(2.995.667.222)
Công ty cổ phần chế tạo và đóng tàu thiết bị Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(15.949.899.255)
Công ty cổ phần chế tạo và đóng tàu thiết bị Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Trả trước người bán	517.891.710
Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(1.092.859.200)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2015**Thông tin so sánh**

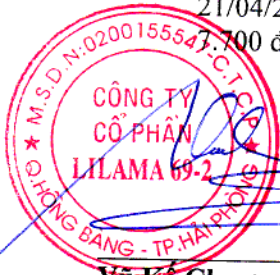
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:



Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Mã số	Số tiền
Các khoản phải thu khác	138	237.754.260	Phải thu ngắn hạn khác	131	8.219.122.837
Tài sản ngắn hạn khác	150	8.233.849.513	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	235.181.818
Tài sản dài hạn khác	268	1.876.293.653	Tài sản ngắn hạn khác	150	17.299.118
Vay và nợ ngắn hạn	311	107.201.664.517	Phải thu dài hạn khác	216	1.876.293.653
Vay và nợ dài hạn	334	25.953.051.001	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	103.806.332.521
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.342.809.389	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29.348.382.997
Quỹ đầu tư phát triển	417	16.031.501.927	Quỹ đầu tư phát triển	418	18.374.311.316

**Thông tin khác**

Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch từ ngày 21/04/2008 với mã chứng khoán L62. Giá giao dịch bình quân tại ngày 31/12/2015 là: 700 đồng/CP.

**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

  
**Nguyễn Quốc Hùng**  
**Kế toán trưởng**  
**Trần Thị Hoài Thương**  
**Người lập**